

**HƯỚNG DẪN**  
**Lịch thời vụ gieo trồng vụ Đông Xuân 2020 - 2021**

Căn cứ công văn số: 2052/HD-SNNPTNT, ngày 09/10/2020 của Sở NN-PTNT tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ vào điều kiện thực tế sản xuất của huyện;

Nhằm tạo điều kiện để cây trồng sinh trưởng phát triển tốt và hạn chế những thiệt hại do thiên tai gây ra, UBND huyện hướng dẫn cơ cấu giống và lịch thời vụ gieo trồng của một số loại cây chính trong vụ Đông Xuân 2020 - 2021 như sau:

**1. Đối với cây lúa**

- Sử dụng giống lúa xác nhận: Phần đầu đạt tỷ lệ trên 98% diện tích gieo cấy.

- Cơ cấu giống

+ Nhóm dài ngày, trung ngày: Các giống NN4B, 13/2, X21, Xi23,... chiếm 10 -12%.

+ Nhóm ngắn ngày và cực ngắn: Các giống Khang dân, ĐT100 (KH1), HT1, TH5, HN6, DV108, BT7, IR352,..... chiếm 88 - 90% tổng diện tích gieo cấy.

Để đảm bảo năng suất và sản lượng lúa, các địa phương cần bố trí hợp lý nhóm giống dài, trung ngày, ngắn ngày trên cơ sở xem xét cụ thể điều kiện sản xuất. Khuyến khích sản xuất thử giống có triển vọng HG12 trên các chân đất khác nhau để thăm dò, đánh giá khả năng thích ứng của giống; một số giống lúa đã được công nhận chính thức có tham gia liên kết tiêu thụ sản phẩm như DT39, Hà Phát 3, JO2, Thiên Ưu 8,...

- Lịch thời vụ

Bố trí khung lịch thời vụ để đảm bảo lúa vụ Đông Xuân trở tập trung từ 10/4 đến 25/4; tùy thời gian sinh trưởng của từng loại giống và điều kiện thực tế của địa phương để bố trí thời gian gieo cấy phù hợp.

Đề nghị các địa phương có phương án để chủ động đối phó, khắc phục những tác động xấu, bất thường của thời tiết khí hậu, nhất là tiêu úng kịp thời,

dự phòng lúa giống,... để đảm bảo thực hiện đúng tiến độ gieo cấy lúa theo khung lịch thời vụ.

**Thời vụ cụ thể của các giống lúa bố trí như sau:**

Giống lúa	TGST (ngày)	Ngày gieo cấy			Ngày trở	Ngày thu hoạch
		Gieo mạ	Gieo sạ	Cấy		
<b>I. Nhóm giống dài ngày</b>						
NN4B	145±5	15-20/12	25/12-5/1	15-20/1	10-20/4	10-20/5
<b>II. Nhóm giống trung ngày</b>						
Xi23, X21, 13/2...	140±5	20-25/12	30/12-10/1	20-25/1	10-20/4	10-20/5
<b>III. Nhóm giống ngắn ngày</b>						
Lúa lai, IR352, BT7,...	125±5	05-10/1	15/1-20/1	01-05/2	10-25/4	10-25/5
Khang dân, ĐT100 (KH1), HT1, HN6, DV108..	120±5	10-20/1	20/1-5/2	05-15/2	10-25/4	10-25/5
TH5, ML48,...	115±5	15-20/1	25/1-5/2	10-15/2	10-25/4	10-20/5

**Lưu ý:**

Giống lúa được bố trí sản xuất đại trà phải ở trong danh mục giống được phép sản xuất của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn và có trong cơ cấu các nhóm giống lúa nêu trên.

**2. Cây màu, cây công nghiệp, cây ăn quả**

TT	Cây trồng	Giống chủ yếu	Thời vụ trồng
1	Khoai lang	Các loại	5/11 - 5/1
2	Ngô	Ngô lai, Nếp nù, ngô địa phương...	5/12 – 15/2
3	Sắn	KM94, Ba trắng...	Đất đồi: Tháng 12 – tháng 3; đất cát: Tháng 11 – tháng 2
4	Lạc	Giấy, L14, L18,...	Đất cát: trồng từ 20/12 đến 20/1, đất thịt trồng từ 20/1 đến 10/2 (Vùng cao không tưới được nên gieo sớm, vùng thấp tưới được có thể gieo muộn hơn)
5	Đậu đỗ	Đậu đỗ các loại	20/1 – 20/2
6	Rau các loại		Từ 15/11 Các vùng đất thấp nên gieo sau ngày 7/12 (23 tháng 10 Âm lịch) để tránh lũ lụt.

Trên đây là hướng dẫn khung thời vụ trồng và định hướng cơ cấu một số loại cây trồng chính trong vụ Đông Xuân 2020 - 2021. UBND huyện yêu cầu phòng Nông nghiệp và PTNT và Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện phối hợp với UBND các xã, thị trấn và các HTX NN căn cứ hướng dẫn và điều kiện cụ thể tại địa phương để bố trí cơ cấu giống và thời vụ hợp lý cho từng vùng./.

***Nơi nhận:***

- VP huyện ủy;
- CT, PCT UBND huyện;
- Văn phòng UBND huyện;
- Phòng NN-PTNN; TT DVNN huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Các HTX NN;
- Lưu.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Chính**